

Số: /KH-STP

Hà Giang, ngày tháng 4 năm 2022

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số Ngành Tư pháp Hà Giang
giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030

Căn cứ Luật công nghệ thông tin số 67/2006/QH11, ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP, ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 682/QĐ-BTP ngày 07 tháng 5 năm 2021 của Bộ Tư pháp ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển Chính phủ số và bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động ngành Tư pháp giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 983/QĐ-BTP ngày 10 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tư pháp về việc ban hành Kế hoạch “Chuyển đổi số Ngành Tư pháp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

Căn cứ Kế hoạch số 293/KH-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TU ngày 29/10/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;

Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang ban hành Kế hoạch chuyển đổi số ngành Tư pháp trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030, với các nội dung sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Chuyển đổi số ngành Tư pháp là nhiệm vụ quan trọng để góp phần hoàn thành mục tiêu chuyển đổi số, phát triển chính quyền số tỉnh Hà Giang, công sở số trong ngành Tư pháp.

- Trọng tâm của chuyển đổi số là phục vụ người dân, tổ chức, doanh nghiệp và thực hiện hiệu quả nhiệm vụ quản lý nhà nước của ngành Tư pháp.

- Hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp Kế hoạch số 293/KH-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TU ngày 29/10/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030

2. Mục tiêu cụ thể

a) *Mục tiêu cơ bản đến năm 2025*

- 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động.

- 90% hồ sơ công việc của ngành Tư pháp được xử lý trên môi trường mạng và ứng dụng chữ ký số chuyên dùng trên môi trường mạng (trừ các thông tin bí mật nhà nước).

- 90% hoạt động quản lý nhà nước từ Sở Tư pháp đến các phòng Tư pháp cấp huyện và đến công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã được xử lý trên môi trường mạng và sử dụng văn bản điện tử có chữ ký số (trừ hoạt động thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- Triển khai hệ thống phòng họp số (gồm ứng dụng họp thông minh và giải pháp họp trực tuyến).

- 100% báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo điều hành (không bao gồm nội dung mật) của Sở được thực hiện trên hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh, của Bộ Tư pháp; được cập nhật, chia sẻ trên hệ thống thông tin báo cáo phục vụ hiệu quả hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành.

- 100% cơ sở dữ liệu tạo nền tảng phát triển Chính phủ điện tử Ngành Tư pháp được xây dựng và kết nối, chia sẻ trên toàn quốc, bao gồm: Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật; Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử toàn quốc; Hệ thống đăng ký giao dịch bảo đảm.

- 80% cơ sở dữ liệu tạo nền tảng phát triển chính quyền điện tử, chuyển đổi số của ngành, của tỉnh được kết nối, chia sẻ, phân tích, mở dữ liệu cung cấp và cải tiến dịch vụ công kịp thời, một lần khai báo, trọn vòng đời phục vụ người dân và phát triển kinh tế - xã hội.

- Triển khai số hóa dữ liệu hộ tịch tỉnh Hà Giang vào cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử toàn quốc.

- Triển khai Xây dựng Hệ thống Quản lý công chứng, chứng thực và ngăn chặn trong phạm vi toàn tỉnh.

- 100% các thông tin chỉ đạo, điều hành của ngành Tư pháp được đăng tải, phổ biến qua trang Thông tin điện tử của Sở (trừ các thông tin bí mật nhà nước).

- 100% hồ sơ thủ tục của ngành Tư pháp được số hóa cập nhật trên các Hệ thống chuyên ngành của Bộ Tư pháp, của tỉnh.

- 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của tỉnh, Ngành Tư pháp quản lý.

- 100% công chức, viên chức, người lao động không dùng tiền mặt trong thanh toán các dịch vụ giao dịch phổ biến (điện, nước, viễn thông,...).

- Các tổ chức hành nghề trong lĩnh vực Bổ trợ tư pháp tham gia cung cấp dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt hoặc có áp dụng giải pháp thanh toán không dùng tiền mặt.

b) Mục tiêu cơ bản đến năm 2030

- 100% hồ sơ công việc của ngành Tư pháp được xử lý trên môi trường mạng và ứng dụng chữ ký số chuyên dùng trên môi trường mạng (trừ các thông tin bí mật nhà nước).

- 100% cơ sở dữ liệu tạo nền tảng phát triển chính quyền điện tử, chuyển đổi số của ngành, của tỉnh được kết nối, chia sẻ, phân tích, mở dữ liệu cung cấp và cải tiến dịch vụ công kịp thời, một lần khai báo, trọn vòng đời phục vụ người dân và phát triển kinh tế - xã hội.

- 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ

a) Chuyển đổi số ngành hướng đến hoàn thiện chính quyền điện tử và xây dựng Chính quyền số

- Cập nhật văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành vào cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật tại địa chỉ “<http://vbpl.vn>” theo Nghị định 52/2015/NĐ-CP, ngày 28/5/2015 của Chính phủ.

- Cung cấp thủ tục hành chính trên trang dịch vụ công của tỉnh tại địa chỉ truy cập “<http://dichvucong.hagiang.gov.vn>”. Cử cán bộ trực, tư vấn, tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả cho công dân tại trung tâm hành chính công của tỉnh.

- Vận hành tốt trang thông tin điện tử của Sở, tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật, cập nhật văn bản chỉ đạo điều hành, hướng dẫn nghiệp vụ chuyên môn, quảng bá lĩnh vực Tư pháp trên địa bàn tỉnh Hà Giang trên trang thông tin điện tử của Sở Tư pháp “<http://stp.hagiang.gov.vn>”.

- Tiếp tục thực hiện cập nhật thông tin công chức, viên chức, người lao động vào phần mềm quản lý cán bộ công chức, viên chức tại địa chỉ truy cập “<http://quanlycbccvc.hagiang.gov.vn>”. Qua đó giúp cho các cơ quan Nhà nước theo dõi quá trình biến đổi thông tin của mỗi công chức, viên chức, người lao động trong quá trình công tác từ khi bắt đầu vào cơ quan cho đến nghỉ hưu.

- Sử dụng hệ thống Ioffice, ứng dụng chữ ký số điện tử trong chỉ đạo, điều hành văn bản trên môi trường Internet “<https://stphagiang.vnptioffice.vn>”.

- Sử dụng hòm thư điện tử mail công vụ do Sở Thông tin và truyền thông cấp trong hoạt động trao đổi công vụ có địa chỉ truy cập “<http://mail.hagiang.gov.vn>”.

- Sử dụng phần mềm công cụ quản lý hồ sơ quốc tịch, hộ tịch “<http://quoctich.moj.gov.vn>” cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận hoặc ghi vào Sổ hộ tịch các sự kiện hộ tịch của cá nhân, tạo cơ sở pháp lý để Nhà nước bảo hộ quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, thực hiện quản lý về dân cư.

- Sử dụng hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về khiếu nại, tố cáo. Cập nhật, tiếp nhận đơn thư tại địa chỉ “<https://csdlqgkntc.thanhtra.gov.vn>”. Nâng cao hiệu quả

công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo thực hiện kịp thời, cập nhật dữ liệu, theo dõi và thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất trên hệ thống cơ sở dữ liệu theo quy định của Thanh tra Chính phủ.

- Sử dụng hệ thống báo cáo thống kê Ngành Tư pháp, cập nhật, tổng hợp, thống kê số liệu theo Thông tư 03/2019/TT-BTP ngày 20/03/2019 của Bộ Tư pháp Quy định một số nội dung về hoạt động thống kê của Ngành Tư pháp. “<https://thongketuphap.moj.gov.vn>”.

- Tiếp nhận văn bản chỉ đạo, điều hành, báo cáo các nhiệm vụ thông qua hệ thống theo dõi, quản lý nhiệm vụ Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao tại địa chỉ “<http://nvchutichgiao.hagiang.gov.vn>”.

b) Chuyển đổi số ngành hướng đến xây dựng Xã hội số

- Phát triển nền tảng tích hợp, kết nối dữ liệu của ngành Tư pháp với các hệ thống, cơ sở dữ liệu trong tỉnh nhằm chia sẻ dữ liệu, thông tin phục vụ nhu cầu khai thác, sử dụng đáp ứng yêu cầu phát triển.

- Sử dụng phần mềm hỗ trợ kê khai thuế, gửi báo cáo thuế điện tử; khai báo và gửi bảo hiểm qua môi trường mạng, có sử dụng chữ ký số. Duy trì, nâng cấp phần mềm tài chính kế toán Misa, đăng ký giao dịch điện tử.

- Nghiên cứu phát triển các giải pháp khai thác, chia sẻ dữ liệu ngành Tư pháp trên nền tảng di động, thiết bị thông minh nhằm mở rộng khả năng tương tác, tiếp cận của công dân, tổ chức và doanh nghiệp.

- Đẩy mạnh triển khai thực hiện chứng thực bản sao điện tử từ bản chính theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Nghị định 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

c) Chuyển đổi số ngành hướng đến phát triển Kinh tế số

- Thực hiện việc số hóa sổ hộ tịch trên địa bàn tỉnh từ năm 1945 đến nay, tích hợp với hệ thống cơ sở dữ liệu hộ tịch toàn quốc và chia sẻ dữ liệu với các cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác theo đúng quy định của Luật Hộ tịch và chỉ đạo của UBND tỉnh, Bộ Tư pháp.

- Hoàn thành ứng dụng phần mềm hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý công chứng, chứng thực và thông tin ngăn chặn trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

- Tổ chức triển khai giải pháp thanh toán không dùng tiền mặt trong thanh toán chi phí liên quan các hoạt động hỗ trợ tư pháp.

- Đẩy mạnh triển khai dịch vụ công trực tuyến đối với các thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp, hoạt động kinh doanh.

- Tăng cường chỉ đạo, tuyên truyền công chức, viên chức, người lao động không dùng tiền mặt trong thanh toán các dịch vụ giao dịch phổ biến (điện, nước, viễn thông,...).

2. Giải pháp

- Thành lập Ban điều hành và Tổ giúp việc Ban điều hành chuyển đổi số Ngành Tư pháp.

- Nâng cao nhận thức bằng các hình thức phù hợp và thường xuyên để phổ biến, tuyên truyền chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước đến cán bộ, công chức, viên chức và người lao động về: Chính phủ điện tử, chuyển đổi số.

- Thường xuyên tập huấn kiến thức cơ bản về chuyển đổi số và nâng cao kiến thức, nghiệp vụ quản lý nhà nước trên nền tảng chuyển đổi số cho công chức, viên chức, người lao động.

- Đầu tư, nâng cấp hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin đảm bảo đủ năng lực để vận hành Chính quyền điện tử, Chính quyền số, Công sở số tại Sở Tư pháp và các đơn vị trực thuộc.

- Tăng cường tổ chức Hội nghị, Hội thảo bằng hình thức trực tuyến.

- Nâng cấp, bổ sung, thay thế trang thiết bị hạ tầng mạng, đảm bảo vận hành, kết nối thông suốt.

- Đưa và khai thác, sử dụng các sản phẩm dịch vụ an toàn thông tin, có đầy đủ bản quyền.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông cấp phát chữ ký số cho 100% công chức, viên chức và cấp phát chữ ký số qua SIM di động cho 100% lãnh đạo cấp Phòng trở lên để triển khai hệ thống chữ ký số, chữ ký điện tử trong toàn ngành.

- Tiếp tục hoàn thành triển khai các dịch vụ công mức độ 4, thực hiện chuyển đổi số qua các bước dịch vụ công trực tuyến.

- Tiếp tục duy trì cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh vào cơ sở dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Tư pháp.

- Tiếp tục phối hợp với Bảo hiểm xã hội tỉnh duy trì kết nối liên thông cơ sở dữ liệu hộ tịch và cơ sở dữ liệu ngành bảo hiểm để thực hiện cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi.

- Xác định nguồn nhân lực là yếu tố quyết định thành công của chuyển đổi số; tăng cường đào tạo, tập huấn, nâng cao kỹ năng nghiệp vụ cho công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.

- Bảo đảm kinh phí để thực hiện Kế hoạch.

III. NGUỒN NHÂN LỰC ĐẢM BẢO TRIỂN KHAI

1. Tăng cường các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nhận thức về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số cho đội ngũ công chức, viên chức tại Sở và các đơn vị trực thuộc Sở Tư pháp.

2. Biểu dương, khen thưởng các tổ chức, cá nhân có thành tích tiêu biểu trong triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong ngành Tư pháp.

3. Kinh phí từ ngân sách nhà nước bao gồm chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển của ngành Tư pháp; kinh phí từ các dự án, giao nhiệm vụ, hình thức đặt hàng tùy theo từng nhiệm vụ cụ thể

IV. TỔ CHỨC, THỰC HIỆN

1. Văn phòng Sở là đơn vị thường trực giúp Lãnh đạo Sở tham mưu tổ chức thực hiện Kế hoạch, phối hợp chặt chẽ với các Phòng, Đơn vị thuộc, trực thuộc trong việc xây dựng, triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Căn cứ nhiệm vụ được giao, hằng năm tham mưu xây dựng Kế hoạch cụ thể, lập dự toán kinh phí gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện.

- Định kỳ tổng hợp, thông tin, báo cáo kết quả thực hiện và đề xuất các giải pháp, nhiệm vụ mới gửi Bộ Tư pháp và Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Các Phòng, Đơn vị thuộc, trực thuộc Sở căn cứ mục tiêu, từng nội dung Kế hoạch triển khai và phối hợp triển khai có hiệu quả.

- Có trách nhiệm tổ chức quán triệt Kế hoạch này tới toàn thể công chức, viên chức, người lao động đơn vị mình.

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, thủ trưởng các đơn vị có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Văn phòng Sở trong việc triển khai các nhiệm vụ của Kế hoạch và đưa các nhiệm vụ này vào Kế hoạch công tác năm của đơn vị.

- Hằng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu, các đơn vị có liên quan gửi báo cáo về kết quả thực hiện và đề xuất các giải pháp, nhiệm vụ mới qua Văn phòng Sở để tổng hợp báo cáo Giám đốc Sở.

3. Công chức, viên chức, người lao động có trách nhiệm tham mưu, tổ chức thực hiện Kế hoạch.

Trên đây là Kế hoạch chuyển đổi số Ngành Tư pháp trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, Ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lãnh đạo Sở;
- Cục CNTT Bộ Tư pháp;
- Phòng TP các huyện, TP;
- Các Phòng, Đơn vị thuộc, trực thuộc Sở;
- Các Đoàn thể Sở;
- Trang thông tin điện tử Sở;
- Lưu: VT, VP, ĐXH.

GIÁM ĐỐC

Trương Huy Huân